TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN HIỆP
TỈNH KIÊN GIANG

Bản án số: 36/2018/ DSST
Ngày 27/9/2018

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HIỆP

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nông Đình Đoài

- Hội thẩm nhân dân: 1/ - Ông Đinh Khắc Việt

2/ - Bà Phan Thị Trúc Phương

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Lê Quang Nhật – Thư Ký Tòa án Nhân Dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

Trong ngày 27 tháng 9 năm 2018. Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 53/2018/ TLST- DS ngày 01 tháng 03 năm 2018 Về việc: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 61/2018/QĐXXST- DS ngày 11 tháng 09 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Ngân hàng TMCP K L**

Trụ sở đặt tại: 40-42-44 P H T, phường V T V, thành phố R G, tỉnh Kiên Giang.

Đại diện theo pháp luật: Ông Võ Văn C, chức vụ: Tổng Giám đốc

Đại diện theo ủy quyền: Ông Vũ Trọng Đ – Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng TMCP Kiên Long – phòng giao dịch Tân Hiệp. Theo Giấy ủy quyền số: 594/UQ-NHKL ngày 21/5/2018 (có mặt).

Bị đơn: **Bà Nguyễn Thị Q**, sinh năm 1947 (vắng mặt không lý do)

Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1968 (vắng mặt không lý do).

Cùng địa chỉ: ấp Đ N A, xã T Đ, huyện T H, tỉnh Kiên Giang

NHẬN THẤY

Nguyên đơn Ngân Hàng TMCP K L – Đại diện theo ủy quyền ông Vũ Trọng Đ trình bày: Vào ngày 16 tháng 10 năm 2012, bà Nguyễn Thị Q cùng con trai là ông Nguyễn Văn T có đến Ngân hàng TMCP K L vay số tiền gốc là 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng) theo hợp đồng tín dụng số: HD1476/HĐTD + Phụ lục hợp đồng tín dụng ngày 16/10/2012; mục đích vay: trồng lúa, chăn nuôi heo thịt, máy cày; thời hạn vay 18 tháng; ngày giải ngân là ngày 16/10/2012, ngày đến hạn là ngày 16/4/2014; lãi suất cho vay 1,65%/tháng, điều chỉnh 06 tháng/lần và được tính bằng lãi suất tiền gửi VNĐ kỳ hạn 13 tháng lãnh lãi cuối kỳ của Ngân hàng TMCP K L ngay tại thời điểm điều chỉnh lãi suất cho vay cộng thêm 0,65%/tháng hoặc bằng lãi suất cho vay hiện hành tại ngân hàng tại cùng thời điểm (cùng loại hình và phương thức vay) nếu lãi suất cho vay hiện hành tại ngân hàng cao hơn.

Lãi suất nợ quá hạn bằng 150% (gấp 1,5 lần) lãi suất cho vay trong hạn ngay trước thời điểm nợ quá hạn.

Hình thức thanh toán: 06 tháng/01 lần. Lần 01 vào ngày 16/04/2013, lần 02 vào ngày 16/10/2013. Nếu trả không đầy đủ và đúng hạn, Ngân hàng sẽ thu thêm số tiền phạt chậm trả lãi với lãi suất phạt bằng 0,1%/ngày/số tiền lãi chậm trả và số ngày chậm trả. Trả gốc vào ngày đáo hạn.

Hợp đồng tín dụng + phụ lục nêu trên được bảo đảm bằng hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: HD1467/HĐTC ngày 16/10/2012 được ký kết giữa đại diện Ngân hàng với bà Nguyễn Thị Q cùng con trai là ông Nguyễn Văn T và đã được UBND xã T Đ chứng thực ngày 16/10/2012, tài sản thế chấp bảo đảm nợ vay gồm: quyền sử dụng đất số: C 328409, do UBND huyện T H cấp ngày 22/8/1993 đứng tên bà Nguyễn Thị Q, với tổng diện tích là 20.560m^2, trong đó đất thổ vườn là 2.650 m^2, đất trồng lúa diện tích là 17.910 m^2 , thuộc các thửa đất số 297, 790, tờ bản đố số 16, đất tọa lạc tại xã T Đ B, huyện T H, tỉnh Kiên Giang. Tài sản thế chấp nêu trên đã được đăng ký giao dịch bảo đảm tại văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện T H ngày 17/10/2012.

Trong quá trình vay vốn thì bà Nguyễn Thị Q cùng con trai là ông Nguyễn Văn T liên tục vi phạm hợp đồng không thanh toán nợ cho Ngân hàng khi đến hạn. Ngân hàng đã nhiều lần thông báo nhắc nhở bà Nguyễn Thị Q cùng con trai là ông Nguyễn Văn T nhiều

lần và bà Q, ông T cũng đã nhiều lần cam kết trả nợ cho Ngân hàng nhưng ông, bà không thực hiện theo cam kết.

Nay Ngân hàng TMCP K L yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị Q và con ruột là ông Nguyễn Văn T trả nợ cho ngân hàng TMCP K L số tiền là 489.425.000đ (bốn trăm tám mươi chín triệu bốn trăm hai mươi lăm nghìn đồng) – theo bảng kê tính lãi đến ngày 27/9/2018 bút lục số 50), trong đó tiền gốc là 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng), tiền lãi trong hạn tính đến ngày hôm nay 27/9/2018 là 55.298.333đ (năm mươi lăm triệu hai trăm chín mươi tám nghìn ba trăm ba mươi ba đồng), tiền lãi quá hạn tính đến ngày hôm nay 27/9/2018 là 234.126.667đ (hai trăm ba mươi bốn triệu một trăm hai mươi sáu nghìn sáu trăm sáu mươi bảy đồng) và yêu cầu tính lãi phát sinh theo đúng nội dung hợp đồng vay đã ký, trong quá trình giải quyết cho đến khi bà Nguyễn Thị Q và con ruột là ông Nguyễn Văn T trả hết nợ cho ngân hàng TMCP K L.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Q trình bày: Theo bản tự khai và biên bản hòa giải ngày 18/04/2018 bà Nguyễn Thị Q trình bày như sau: bà thừa nhận trước đây có vay của Ngân hàng TMCP K L số tiền là 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng), quá trình vay thì do con bà làm ăn thất bại nên không trả nổi tiền vốn và tiền lãi. Nay tổng cộng tiền gốc, tiền lãi trong hạn, tiền lãi quá hạn và tiền lãi phạt chậm trả còn nợ Ngân hàng là 492.217.988 (bốn trăm chín mươi hai triệu hai trăm mười bảy nghìn chín trăm tám mươi tám đồng). Số tiền nợ này tôi thừa nhận còn nợ Ngân hàng và xin Ngân hàng cho tôi xin miễn trả phần tiền lãi, còn phần tiền gốc 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng) tôi xin trả dần.

Bị đơn ông Nguyễn Văn T trình bày: do ông Nguyễn Văn T vắng mặt không lý do nên không thể trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về thẩm quyền**: Đây là vụ kiện Tranh chấp hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 BLTTDS năm 2015. Mặt khác đây là vụ kiện dân sự không có yếu tố nước ngoài nên thuộc thẩm quyền của Tòa án

nhân dân cấp huyện theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 BLTTDS năm 2015. Ngoài ra Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang có thẩm quyền giải quyết theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 39 BLTTDS năm 2015.

[2] **Về thủ tục tố tụng:** bà Nguyễn Thị Q và con ruột là ông Nguyễn Văn T với tư cách là bị đơn. Tại phiên tòa hôm nay bà Nguyễn Thị Q và con ruột là ông Nguyễn Văn T vắng mặt không lý do, trước đó Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng theo quy định chung của Bộ luật tố tụng dân sự các thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn bà Nguyễn Thị Q và con ruột là ông Nguyễn Văn T, theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quy định: "Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà bị đơn không có yêu cầu phản tố vắng mặt thì Tòa án tiến hành xử vắng mặt họ". Do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà Q, ông T là phù hợp theo quy định pháp luật.

Quan hệ pháp luật tranh chấp xảy ra giữa Ngân Hàng TMCP K L với bà Nguyễn Thị Q và con ruột là ông Nguyễn Văn T là quan hệ "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2005.

Điều 471 Bộ luật dân sự quy định:

Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định.

[3] Xét yêu cầu của ông Vũ Trọng Đ cho thấy. Tại thời điểm vào ngày 16/10/2012 bà Nguyễn Thị Q và con ruột là ông Nguyễn Văn T có vay của Ngân Hàng TMCP K L số tiền gốc là 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng), thời hạn vay là 18 tháng đối với hợp đồng tín dụng số: HD1476/HĐTD + Phụ lục hợp đồng tín dụng ngày 16/10/2012, lãi suất vay ban đầu là 1,65%/tháng, ngân hàng có điều chỉnh lãi suất cho vay (nếu có) với mức lãi suất điều chỉnh không quá mức lãi suất cho vay tương ứng được quy định tại khung lãi suất do ngân hàng ban hành tại thời điểm điều chỉnh phù hợp với quy định của pháp luật Việt Nam.

Nay ông Vũ Trọng Đ yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị Q và con ruột là ông Nguyễn Văn T trả cho Ngân Hàng TMCP K L số tiền gốc là 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng), tiền lãi trong hạn tính đến ngày hôm nay 27/9/2018 là 55.298.333đ (năm mươi lăm triệu hai trăm chín mươi tám nghìn ba trăm ba mươi ba đồng), tiền lãi quá hạn tính đến ngày hôm nay 27/9/2018 là 234.126.667đ (hai trăm ba mươi bốn triệu một trăm hai mươi sáu nghìn sáu trăm sáu mươi bảy đồng)) – theo bảng kê tính lãi bút lục số 50). Tổng cộng tiền gốc, tiền lãi trong hạn và tiền lãi quá hạn là 489.425.000đ (bốn trăm tám mươi chín triệu bốn trăm hai mươi lăm nghìn đồng) và yêu cầu tính lãi phát sinh theo đúng nội dung hợp đồng vay đã ký, trong quá trình giải quyết cho đến khi bà Nguyễn Thị Q và con ruột là ông Nguyễn Văn T trả hết nợ cho ngân hàng TMCP K L. Lời yêu cầu của ông Vũ Trọng Đ phù hợp với Điều 471, Điều 476 Bộ luật dân sự được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Xét yêu cầu của bà Nguyễn Thị Q, bà yêu cầu xin được miễn trả tiền lãi, còn tiền vốn gốc 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng) bà xin trả nợ dần. Lời yêu cầu của bà Q thì không có cơ sở chấp nhận. Bởi vì trong vụ án này bà Q, ông T là người vay tiền của Ngân hàng TMCP K L số tiền là 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng), khi đến hạn thì bà Q, ông T là bên vay phải trả nợ gốc và lãi cho bên cho vay là Ngân hàng TMCP K L. Theo quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2005.

Điều 471 Bộ luật dân sự quy định: Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định.

Mặt khác theo quy định tại mục 1 phần III Thông tư liên tịch số: 01/TTLT ngày 19/6/1997 của Tòa án nhân dân tối cao – Viện Kiểm sát nhân dân tối cao – Bộ tư pháp – Bộ tài chính hướng dẫn việc xét xử và thi hành án về tài sản có quy định: Tòa án không ấn định trong bản án, quyết định thời điểm hoặc thời hạn bên có nghĩa vụ thi hành án. Do đó Hội đồng xét xử không có xem xét.

Chính vì vậy bác lời khai nại của bà Nguyễn Thị Q.

[5] **Về án phí DSST:** Áp dụng điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Yêu cầu của Ngân hàng TMCP K L được chấp nhận nên Ngân hàng TMCP K L không phải chịu án phí, trả lại tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng TMCP K L số tiền là 11.844.000đ (mười một triệu tám trăm bốn mươi bốn nghìn đồng) theo biên lai thu số 0007833 ngày 01/03/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

Buộc bà Nguyễn Thị Q và con ruột là ông Nguyễn Văn T phải nộp: 20.000.000đ + 4% x 89.425.000đ = 23.577.000đ (hai mươi ba triệu năm trăm bảy mươi bảy nghìn đồng).

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn luật định.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Áp dụng Điều 471, Điều 476 Bộ Luật Dân Sự năm 2005, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

2/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP K L.

3/ Bác lời khai nại của bà Nguyễn Thị Q.

4/ Buộc bà Nguyễn Thị Q và con ruột là ông Nguyễn Văn T trả cho Ngân hàng TMCP K L tổng cộng số tiền gốc, tiền lãi trong hạn và tiền lãi quá hạn là 489.425.000đ (bốn trăm tám mươi chín triệu bốn trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, bà Nguyễn Thị Q, ông Nguyễn Văn T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số: HD1476/HĐTD ngày 16/10/2012 + Phụ lục hợp đồng tín dụng ngày 16/10/2012 cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều

chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng TMCP K L thì lãi suất mà bà Nguyễn Thị Q, ông Nguyễn Văn T phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng TMCP K L theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng TMCP K L.

5/ Sau khi bà Nguyễn Thị Q và con ruột là ông Nguyễn Văn T trả hết nợ cho Ngân hàng TMCP K L thì Ngân hàng TMCP K L có nghĩa vụ trả lại cho bà Nguyễn Thị Q và con ruột là ông Nguyễn Văn T giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: C 328409, do UBND huyện T H cấp ngày 22/8/1993 đứng tên bà Nguyễn Thị Q, với tổng diện tích là 20.560m^2, trong đó đất thổ vườn là 2.650 m^2, đất trồng lúa diện tích là 17.910 m^2 , thuộc các thửa đất số 297, 790, tờ bản đố số 16, đất tọa lạc tại xã T Đ B, huyện T H, tỉnh Kiên Giang

6/ Về án phí DSST:

- Buộc bà Nguyễn Thị Q và con ruột là ông Nguyễn Văn T nộp 23.577.000đ (hai mươi ba triệu năm trăm bảy mươi bảy nghìn đồng).

- Trả lại tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng TMCP K L số tiền là 11.844.000đ (mười một triệu tám trăm bốn mươi bốn nghìn đồng) theo biên lai thu số 0007833 ngày 01/03/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự ,người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy đinh tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Báo cho Ngân hàng TMCP K L biết có quyền kháng cáo trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Báo cho bà Nguyễn Thị Q, ông Nguyễn Văn T biết có quyền kháng cáo trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tân Hiệp.
- TAND tỉnh Kiên Giang .
- Chi cục THADS huyện Tân Hiệp.
- Các đương sự.
- Lưu HS.
- Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nông Đình Đoài